

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /2025/TT-BNNMT

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2025

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2015/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn xây dựng đề án và phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 04/2024/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 23/2022/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về thành lập, sắp xếp lại, chuyển đổi sở hữu, chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2015/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn xây dựng đề án và phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2015/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn xây dựng đề án và phương án tổng thể sắp

xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp

1. Sửa đổi, bổ sung một số điểm của các khoản tại Điều 4 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 như sau:

“b) Đối với đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng và rừng sản xuất: xác định diện tích và trạng thái các loại rừng, sử dụng kết quả kiểm kê, thống kê, hồ sơ theo dõi diễn biến rừng được công bố đến ngày 31 tháng 12 của năm liền kề trước thời điểm xây dựng Đề án. Trường hợp địa phương chưa kịp công bố số liệu đến ngày 31 tháng 12 của năm liền kề, doanh nghiệp được sử dụng số liệu đã công bố gần nhất và cập nhật bổ sung khi có kết quả chính thức.”.

b) Sửa đổi, bổ sung gạch đầu dòng thứ nhất điểm b khoản 2 như sau:

“- Đối với rừng sản xuất là rừng trồng: xác định diện tích và giá trị rừng trồng hiện có của công ty theo quy định hiện hành về phương pháp định giá rừng; hướng dẫn định khung giá rừng tại thời điểm xây dựng Đề án.”.

c) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 như sau:

“c) Thống kê, phân loại các khoản công nợ theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tài chính về xử lý tài chính khi sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp; trong đó thể hiện rõ công nợ mất khả năng thanh toán và đề xuất xử lý theo mẫu biểu số 08/TCĐT kèm theo Phụ lục I.”.

d) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 5 như sau:

“c) Tình hình thực hiện khoán (hình thức, nội dung, quyền và nghĩa vụ các bên) và số lượng lao động nhận khoán với công ty theo hợp đồng (trong đó chia ra số thực hiện theo Nghị định số 168/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ, số thực hiện theo Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ và số chưa chuyển đổi vẫn thực hiện theo Nghị định số 01-CP ngày 04 tháng 01 năm 1995 của Chính phủ).

Số liệu về lao động của công ty nông, lâm nghiệp trước và sau khi sắp xếp thể hiện theo mẫu biểu số 09/LĐ kèm theo Phụ lục I.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 6 như sau:

“1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tập đoàn, tổng công ty, Bộ, ngành chủ quản căn cứ Đề án sắp xếp, đổi mới của công ty nông, lâm nghiệp trực thuộc, tổng

hợp thành Phương án sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp do địa phương, tập đoàn, tổng công ty, Bộ, ngành mình quản lý.”.

3. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 7 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 7 như sau:

“1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao Sở Nông nghiệp và Môi trường căn cứ Đề án của các công ty chủ trì, phối hợp với Sở, ngành liên quan; tập đoàn, tổng công ty và Bộ, ngành chủ quản lập Phương án theo quy định tại Thông tư này gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường thẩm định trước khi trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Các tập đoàn, tổng công ty thuộc Bộ, ngành Trung ương trước khi gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường thẩm định phải có ý kiến bằng văn bản của Bộ, ngành chủ quản; ý kiến bằng văn bản của Bộ, ngành chủ quản về Phương án được gửi tới tập đoàn, tổng công ty sau 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ xin ý kiến.”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 2 Điều 7 như sau:

“e. Số lượng hồ sơ trình thẩm định: Bộ, ngành chủ quản; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; tập đoàn, tổng công ty nông, lâm nghiệp gửi Hồ sơ trình thẩm định Phương án về Bộ Nông nghiệp và Môi trường bằng văn bản điện tử trên hệ thống trực liên thông văn bản quốc gia kèm 01 bộ hồ sơ bản giấy. Trường hợp không kết nối trên hệ thống trực liên thông văn bản quốc gia thì gửi 01 bộ hồ sơ bản giấy về Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Phương án được soạn thảo và trình bày theo quy định của pháp luật về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính, trong đó các số liệu được lập và tính toán trên bảng tính phân mềm Excel và sử dụng số tự nhiên với 2 chữ số thập phân sau dấu phẩy.”.

4. Sửa đổi, bổ sung tên và nội dung của khoản 2 Điều 9 như sau:

“2. Các đơn vị khác thuộc Bộ tham gia Hội đồng thẩm định:

- Thực hiện tham mưu cho Chủ tịch Hội đồng thẩm định, cho Bộ về các nội dung tại Phương án theo chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực quản lý của đơn vị;*
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng thẩm định, của Bộ.”.*

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 10 như sau:

“1. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc xây dựng Đề án và Phương án theo quy định tại Thông tư này.”.

6. Thay thế Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2015/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bằng Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

7. Thay thế cụm từ “*Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*” và cụm từ “*Bộ Tài nguyên và Môi trường*” bằng cụm từ “*Bộ Nông nghiệp và Môi trường*” tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 7; khoản 2 Điều 8; Tên Điều 9, khoản 1 Điều 9; khoản 2, khoản 5 Điều 10; khoản 2 Điều 12.

8. Thay thế cụm từ “*Bộ Kế hoạch và Đầu tư*” bằng cụm từ “*Bộ Tài chính*” tại khoản 3 Điều 7.

9. Thay thế cụm từ “*Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội*” bằng cụm từ “*Bộ Nội vụ*” tại khoản 3 Điều 7.

10. Thay thế cụm từ “*Vụ Quản lý doanh nghiệp*” bằng cụm từ “*Vụ Kế hoạch – Tài chính*” tại khoản 2, khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 9.

11. Thay thế cụm từ “*Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*” bằng cụm từ “*Sở Nông nghiệp và Môi trường*” tại khoản 1 Điều 7.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

2. Bãi bỏ Điều 5; điểm d, điểm đ khoản 2 Điều 7 và Điều 8 Thông tư số 02/2015/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Các Bộ, ngành chủ quản; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; tập đoàn, tổng công ty nông, lâm nghiệp đã thực hiện thẩm định Đề án trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục lập, hoàn thiện Phương án trình thẩm định theo quy định tại Thông tư này.

4. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ, ngành chủ quản; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; tập đoàn, tổng công ty nông, lâm nghiệp (cơ quan đại diện chủ sở hữu các công ty nông, lâm nghiệp) chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Môi trường (qua Vụ Kế hoạch – Tài chính) đề nghiên cứu, phối hợp giải quyết./

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý VPHC, Bộ Tư pháp;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo Chính phủ; Cổng TTĐT Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các đơn vị thuộc Bộ; Cổng thông tin điện tử của Bộ;
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Hoàng Trung

PHỤ LỤC:**ĐỀ CƯƠNG PHƯƠNG ÁN TỔNG THỂ
SẮP XẾP, ĐỔI MỚI CÔNG TY NÔNG, LÂM NGHIỆP**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số/2025/TT-BNNMT ngày tháng 12 năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

BỘ, NGÀNH/UBND
TỈNH/
TẬP ĐOÀN/
TỔNG CÔNG TY.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....,ngày.....tháng.....năm 2025

**PHƯƠNG ÁN TỔNG THỂ
SẮP XẾP, ĐỔI MỚI CÔNG TY NÔNG, LÂM NGHIỆP****MỞ ĐẦU**

Đặt vấn đề.

Căn cứ để xây dựng Đề án sắp xếp, đổi mới công ty:

- Nghị định số [118/2014/NĐ-CP](#) ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp;

- Nghị định số 04/2024/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp;

- Thông tư số 02/2015/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 01 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn xây dựng đề án và phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp theo Nghị định số [118/2014/NĐ-CP](#) ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ;

- Thông tư số /TT-BNNMT ngày tháng 12 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2015/TT-BNNPTNT ngày 27/01/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Văn bản chỉ đạo, chương trình kế hoạch của địa phương...;

- Đề án sắp xếp, đổi mới của các công ty nông, lâm nghiệp,

Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố trực thuộc TW); Tập đoàn, Tổng công ty, Bộ, ngành....báo cáo Phương án tổng thể về sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp trực thuộc như sau:

Phần I HIỆN TRẠNG CÁC CÔNG TY NÔNG, LÂM NGHIỆP

I. TÌNH HÌNH CƠ BẢN

Tổng hợp số liệu cơ bản từ các đề án của công ty nông, lâm nghiệp và thiết lập các phụ biểu (kèm theo phương án tổng thể) số liệu riêng cho nhóm các công ty nông nghiệp, nhóm các công ty lâm nghiệp theo các mẫu biểu sau:

1. Căn cứ số liệu biểu số 01/ĐĐ, đề án của các công ty nông, lâm nghiệp, tổng hợp và lập biểu 01/TH-ĐĐ: TỔNG HỢP HIỆN TRẠNG ĐẤT TRƯỚC KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP, ĐỔI MỚI CÔNG TY NÔNG, LÂM NGHIỆP theo Nghị định số [118/2014/NĐ-CP](#) ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ và Nghị định số 04/2024/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ sau:

TT	Loại đất	Mã	Tổng số (ha)	Chia ra		
				Công ty A	Công ty B	...

2. Căn cứ số liệu biểu số 01/ĐĐ, đề án của các công ty nông, lâm nghiệp, tổng hợp và lập biểu số 02/TH-SĐĐ: TỔNG HỢP HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT TRƯỚC KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP, ĐỔI MỚI CÔNG TY NÔNG, LÂM NGHIỆP theo Nghị định số [118/2014/NĐ-CP](#) ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ và Nghị định số 04/2024/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ sau:

TT	Hiện trạng sử dụng đất	Tổng số (ha)	Chia ra		
			Công ty A	Công ty B	...
1	Diện tích tự tổ chức SX				
2	Diện tích khoán				

2.1	Khoán theo NĐ 135				
2.2	Khoán theo NĐ 01				
2.3	Khoán quản lý bảo vệ				
2.4	Khoán trắng				
3	Diện tích sử dụng khác				
3.1	Diện tích cho thuê				
3.2	Diện tích cho mượn				
3.3	Diện tích bị tranh chấp				
3.4	Diện tích bị lấn, chiếm				
3.5	Diện tích bị cấp trùng				
3.6	Diện tích liên doanh, liên kết, hợp tác đầu tư				
	Tổng số				

3. Căn cứ số liệu biểu số 07/KD, đề án của các công ty nông, lâm nghiệp, tổng hợp và lập biểu số Biểu 03/TH-KD: TỔNG HỢP KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH TRƯỚC KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP, ĐỔI MỚI CÔNG TY NÔNG, LÂM NGHIỆP theo Nghị định số [118/2014/NĐ-CP](#) ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ và Nghị định số 04/2024/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ sau:

Chỉ tiêu	Mã	Công ty A	Công ty B	..

Chỉ tiêu được tổng hợp từ biểu 07/KD theo đề án của các công ty nông, lâm nghiệp, số liệu là số bình quân 03 năm liền kề.

2. Phân tích, thuyết minh, đánh giá về hiện trạng và rút ra các kết luận.

II. PHÂN TÍCH, THUYẾT MINH, ĐÁNH GIÁ VỀ HIỆN TRẠNG

1. Kết quả đạt được.
2. Hạn chế, tồn tại và nguyên nhân.

Phần II

PHƯƠNG ÁN TỔNG THỂ SẮP XẾP, ĐỔI MỚI CÔNG TY NÔNG, LÂM NGHIỆP

I. PHƯƠNG ÁN TỔNG THỂ SẮP XẾP, ĐỔI MỚI CÔNG TY NÔNG, LÂM NGHIỆP

Tổng hợp số liệu cơ bản từ các đề án của công ty nông, lâm nghiệp và thiết lập các phụ biểu (kèm theo phương án tổng thể) số liệu riêng cho nhóm các công ty nông nghiệp, nhóm các công ty lâm nghiệp theo các mẫu biểu sau:

1. Phương án sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp

a) Căn cứ số liệu tại biểu số 02/ĐĐ, đề án sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp; biểu số 01/TT-ĐĐ, 02/TH-SDĐ, 03/TH-TC trên, theo quy định tại Chương II, III của Nghị định số [118/2014/NĐ-CP](#) ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ và Nghị định số 04/2024/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ để tổng hợp và lập biểu số 04/SXĐM: PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP, ĐỔI MỚI CÔNG TY NÔNG, LÂM NGHIỆP sau:

TT	Tên công ty	Phương án sắp xếp, đổi mới					
		Công ty cổ phần Nhà nước giữ cổ phần chi phối (%)	Công ty cổ phần Nhà nước không giữ cổ phần chi phối	Công ty Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thực hiện nhiệm vụ SXKD	Công ty Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thực hiện nhiệm vụ công ích	Công ty TNHH hai thành viên trở lên	Công ty giải thể

b) Thuyết minh, phân tích phương án

2. Phương án , kế hoạch sử dụng đất

a) Căn cứ số liệu tại biểu số 02/ĐĐ, đề án sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp, tổng hợp phương án sử dụng đất sau khi sắp xếp, đổi mới các công ty nông, lâm nghiệp để lập biểu số 05/SĐĐ: PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT sau:

TT	Loại đất	Mã	Phương án sử dụng đất sau khi thực hiện sắp xếp, đổi mới (ha)					
			Tổng số		Công ty A		Công ty B	
			Cho thuê	Giao không thu tiền SĐĐ	Cho thuê	Giao không thu tiền SĐĐ	Cho thuê	Giao không thu tiền SĐĐ

b) Thuyết minh, phân tích phương án

3. Phương án quản lý, sử dụng tài sản

a) Căn cứ số liệu tại biểu số 03, 04, 05/TS, đề án sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp, tổng hợp phương án quản lý, sử dụng tài sản sau khi sắp xếp, đổi mới các công ty nông, lâm nghiệp để lập biểu số 06/SDTS: PHƯƠNG ÁN QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN sau:

TT	Loại tài sản	Đ/vị tính	Số lượng tài sản tiếp tục quản lý, sử dụng			Số lượng tài sản không sử dụng	
			Công ty A	Công ty B	...	Công ty A	...

b) Thuyết minh, phân tích phương án

4. Phương án về quản lý, sử dụng rừng và nhiệm vụ công ích

a) Căn cứ số liệu tại biểu số 02/ĐĐ, đề án sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp, tổng hợp phương án về quản lý, sử dụng rừng và nhiệm vụ công ích sau khi sắp xếp, đổi mới các công ty nông, lâm nghiệp theo quy định tại Điều 18, Nghị định số [118/2014/NĐ-CP](#) ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ và Nghị định số 04/2024/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ để lập biểu số 07/QLR: PHƯƠNG ÁN QUẢN LÝ, SỬ DỤNG RỪNG VÀ NHIỆM VỤ CÔNG ÍCH sau:

TT	Phương án quản lý, sử dụng theo loại rừng	Mã số	Tổng số (ha)	Chia ra		
				Công ty A	Công ty B	...
1	Thực hiện nhiệm vụ công ích					
	...					
2	Xây dựng phương án QLRBV					
	...					
3	Lập dự án cải tạo rừng					
	...					
4	Chuyển đổi rừng					
	...					

b) Thuyết minh, phân tích phương án

4. Phương án về tài chính và đầu tư

a) Căn cứ số liệu tại biểu số 08/TCĐT, đề án sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp, tổng hợp phương án về tài chính sau khi sắp xếp, đổi mới các công ty nông, lâm nghiệp theo quy định tại Điều 19, 20 Nghị định số [118/2014/NĐ-CP](#) ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ và Nghị định số 04/2024/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ để lập biểu 08/TH-TCĐT: PHƯƠNG ÁN TÀI CHÍNH VÀ ĐẦU TƯ sau:

TT	Mục	Đ/vị tính (1000đ)	Tổng số	Công ty A	Công ty B	...
1	Vốn điều lệ					
2	Kinh phí rà soát, đo đạc, cắm mốc, lập bản đồ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền					

	sử dụng đất					
	...					
3	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ công ích					
	...					
4	Kinh phí đầu tư kết cấu hạ tầng					
	...					
5	Các khoản công nợ, nợ khó đòi, các khoản phải trả.					
	...					

b) Thuyết minh, phân tích phương án

5. Phương án về lao động

a) Căn cứ số liệu tại biểu số 09/LĐ, đề án sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp, tổng hợp phương án về lao động sau khi sắp xếp, đổi mới các công ty nông, lâm nghiệp theo quy định tại Điều 21, Nghị định số [118/2014/NĐ-CP](#) ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ và Nghị định số 04/2024/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ để lập biểu số 09/TH-LĐ: PHƯƠNG ÁN LAO ĐỘNG sau:

TT	Tên công ty	Tổng số LĐ tại thời điểm SXDM (người)	Chia ra			
			Tiếp tục sử dụng	Đào tạo lại chuyển nghề	Giải quyết theo chế độ dôi dư	Nghỉ theo Luật Lao động
1	Công ty A					
2	Công ty B					
...	...					
	Tổng cộng					

b) Thuyết minh, phân tích phương án

6. Phương án về khoa học và công nghệ

Căn cứ số liệu tại biểu số 10/KHCN, đề án sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp, tổng hợp phương án về phát triển về khoa học và công nghệ quy định tại Điều 21, Nghị định số [118/2014/NĐ-CP](#) ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ và Nghị định số 04/2024/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ để lập biểu số 10/TH-KHCN: PHƯƠNG ÁN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ sau:

2024 của Chính phủ để lập biểu số số 10/TH-KHCN: PHƯƠNG ÁN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ sau:

TT	Tên đề tài, công trình	Phần kinh phí đề nghị NSNN hỗ trợ				Ghi chú
		Tổng số	Công ty A	Công ty B	...	
1	...					
2	...					
...	...					
	Tổng cộng					

b) Thuyết minh, phân tích phương án

(Tất cả các phụ biểu trên được lập theo quy định tại điểm b Khoản 3 Điều 1 của Thông tư này và được cơ quan trình phương án tổng thể ký, đóng dấu)

Phần thứ III ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

KẾT LUẬN

Nơi nhận:

-

**BỘ, NGÀNH/UBND TỈNH/TẬP
ĐOÀN/TỔNG CÔNG TY**
(Ký và đóng dấu)